

CÂU DƯỚI BẠC VÀ VIỆC PHÂN BIỆT CÂU DƯỚI BẠC VỚI CÂU TÌNH LƯỢC

NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIệp

Cùng với sự phát triển của ngôn ngữ, việc nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt nói chung, câu tiếng Việt nói riêng ngày càng sâu rộng. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn còn tồn tại không ít vấn đề chưa có sự thống nhất cao giữa các tác giả. Trong đó có vấn đề về câu dưới bậc. Trên cơ sở tham khảo một số tài liệu liên quan, bài viết điểm lại tình hình nghiên cứu câu dưới bậc từ các góc độ, trình bày một cách hệ thống đặc điểm của câu dưới bậc trong sự đối chiếu với câu tình lược. Qua đó, hướng đến việc nhận diện, phân biệt câu dưới bậc và câu tình lược.

1. Quan điểm của các nhà Việt ngữ về câu dưới bậc

1.1. Quan điểm của cú pháp học

Với quan niệm câu là đơn vị cao nhất của hệ thống các đơn vị ngôn ngữ, ngữ pháp học truyền thống thường chỉ dừng lại nghiên cứu câu riêng lẻ hay câu ở vị trí cô lập, đặt trọng tâm của việc nghiên cứu loại câu chuẩn mực hay điển thể, tức những câu hoàn chỉnh về cấu trúc, trọn vẹn về ý nghĩa (chẳng hạn: *Máy bay / Chim hót / Tôi học bài...*). Những trường hợp lệch chuẩn hay biến thể, tức những câu không hoàn chỉnh về cấu trúc, không trọn vẹn về ý nghĩa chưa được nghiên cứu đầy đủ. Thí dụ:

(1) *Xa nhà, những lúc thấy trời mưa và có gió thì thấy nhớ một ngọn đèn tò ngọn, một mâm cơm gọn ghẽ, một tiếng trẻ con khóc bú. Thế là họ trở về.* Với những manh áo đứt hết cả hàng khuy, tuột hết đường chỉ gấu!

(Nguyễn Tuân)

(2) *Một đêm khuya, Mỹ nghe tiếng gõ vách. Tiếng gõ vách hện hò của người yêu.*

(Tô Hoài)

Bàn về vấn đề này, theo tác giả Trần Ngọc Thêm trong *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, đây là những “phần dư” vượt ra ngoài định nghĩa về câu và các tài liệu ngữ pháp chưa giải quyết thỏa đáng vấn đề “phần dư” này. Những trường hợp lệch chuẩn loại này thường được gộp chung vào phạm trù *câu đặc biệt*. Còn trong ngữ pháp nhà trường, hiện tượng này có thể được xem là những *câu sai ngữ pháp* [7, 42 - 43].

Thực tế nghiên cứu cú pháp cho thấy một số tài liệu ngữ pháp khi phân loại câu theo cấu tạo ngữ pháp, ngoài việc đi sâu nghiên cứu câu đơn hai thành phần, là loại câu cơ sở để tạo nên câu ghép hay câu phức, đã đề cập đến loại câu không hoàn chỉnh về cấu trúc như: câu tình lược (CTL), câu đặc biệt (CDB).

Về CTL, các tác giả Nguyễn Kim Thân, Trịnh Mạnh, Nguyễn Huy Đàm, Hoàng Trọng Phiến,... về cơ bản đều quan niệm CTL hay câu rút gọn không phải là loại câu riêng biệt mà chỉ là dạng thức khác (dạng rút gọn) của câu hoàn chỉnh, câu đầy đủ thành phần chủ - vị. Thí dụ:

(3) *Anh cứ hát. Hết sức hát. Gò ngực mà hát. Há miệng to mà hát.*

(Dẫn theo [6, 611])

(4) *Tnú, Tnú. Tinh dậy chưa? Đây này, chúng tôi giết hết rồi. Cả mười đứa, đây này!* Bằng giáo, bằng mác. *Đây này!*

(Dẫn theo [9, 298])

Về CDB, các tác giả như: Phan Thiệu, Bùi Tất Tươi, Diệp Quang Ban,... đều cho rằng CDB là loại câu “không phân định được đâu là chủ ngữ, đâu là vị ngữ” hay “không được xây dựng bằng kết cấu chủ - vị”. Thí dụ:

(5) *Nhưng trời ơi! Cháy, cháy cả ruột đây rồi! Anh Quyết ơi! Cháy!*

(Dẫn theo [9, 297])

Nhìn chung, giai đoạn những năm 1960-1970, với cú pháp học truyền thống, câu dưới bậc (CDB) còn là một thuật ngữ xa lạ. Rải rác đâu đó nếu có nói đến hiện tượng này thì cũng quy về tên gọi CDB hoặc CTL.

1.2. Quan điểm của ngữ pháp văn bản

Với sự ra đời của ngữ pháp văn bản, việc nghiên cứu ngôn ngữ tiến thêm một bước mới. Từ chỗ nhận thức rõ sự hạn chế trong việc nghiên cứu câu theo quan niệm câu là loại đơn vị thuộc bậc cao nhất, các nhà Việt ngữ đã đi vào giải quyết nhiều vấn đề ở bình diện trên câu, sự liên

kết liên câu... trong đó có vấn đề liên quan đến sự tồn tại của CDB. Theo quan điểm của ngữ pháp văn bản, câu là đơn vị thông báo nhỏ nhất bằng ngôn ngữ, văn bản mới là đơn vị cuối cùng của nghiên cứu ngôn ngữ. Nếu xem văn bản là một hệ thống hoàn chỉnh thì các câu được tập hợp theo một quy luật nhất định, quy luật của tính liên kết, của những mối quan hệ giữa chúng và những câu xung quanh. Nhờ đó câu có thể biến hóa đa dạng, nó có thể hoàn chỉnh hoặc không hoàn chỉnh về cấu trúc, trọn vẹn hay không trọn vẹn về ý nghĩa, có tính chất độc lập hoặc không độc lập. Nói như tác giả Trần Ngọc Thêm: “*Tính liên kết không chỉ có khả năng làm cho một chuỗi câu đúng ngữ pháp trở thành văn bản (...) mà nó còn có thể làm cho một chuỗi có chứa những “câu sai ngữ pháp” cũng trở thành văn bản*”. Tác giả Hồ Lê, trong *Cú pháp tiếng Việt* cũng khẳng định: “*Trong bối cảnh hội thoại hoặc văn cảnh, câu có thể chỉ là những hình thức biến dạng của những câu riêng lẻ mà thôi. Muốn phân tích đúng những câu ấy nhất thiết phải dùng phương pháp quy chiếu để so sánh chúng với những câu riêng lẻ tương ứng, và phải đặt chúng vào đúng tình huống*” [5, 7].

Một trong những tác giả đầu tiên đề cập đến hiện tượng CDB (dưới tên gọi ngữ trực thuộc/ ngữ đoạn trực thuộc (NTT) là Trần Ngọc Thêm. Theo tác giả, NTT là phát ngôn không hoàn chỉnh về cấu trúc, (phân biệt với câu là phát ngôn hoàn chỉnh về cấu trúc). NTT không phải là những CDB hay những trường hợp ngoại lệ mà nó là một phát ngôn riêng biệt nằm bên cạnh câu.

Tác giả đã đề cập đến nguyên tắc cấu tạo và sử dụng NTT trong quá trình xây dựng cũng như hiệu đính văn bản. Theo tác giả, trong quá trình xây dựng văn bản, tách phát ngôn (tách câu) là biện pháp phổ biến để tạo lập NTT. Và nguyên tắc sử dụng chủ yếu là nhấn mạnh thông tin. Tác giả đã đề cập đến các trường hợp tách các yếu tố cuối dãy nghĩa (cuối phát ngôn) sau: tách bỏ ngữ, định tố, trạng tố, vị ngữ đồng loại, bổ ngữ đồng loại, trạng tố đồng loại, yếu tố thuyết minh... để tạo lập NTT. Thí dụ:

(6) *Cô Cóm khom khom rút. Một chén. Bốn năm chén.*

(Nguyễn Tuân)

(7) *Hễnh tất tả chạy đi tìm Tại. Để đòi cái giò gà.*

(Tô Hoài)

Theo tác giả, trong thí dụ 6, hai NTT: *Một chén* và *Bốn năm chén* vốn là thành phần phụ bổ ngữ do vị ngữ quy định được tách ra từ câu: *Cô Cóm khom khom rút một chén, bốn năm chén*. Trong thí dụ 7, NTT *Để đòi cái giò gà* vốn là trạng tố mục đích được tách ra từ câu: *Hễnh tất tả chạy đi tìm Tại để đòi cái giò gà*.

Trong *Ngữ pháp tiếng Việt* (Tập 2), tác giả Diệp Quang Ban cho rằng trong phạm vi câu đơn, ngoài những câu phù hợp với các kiểu câu rời còn có những câu có tổ chức khác thường, tức câu biến thể, là những biến thể hiện thực của câu - ngôn ngữ hay câu - mô hình, câu - diễn thể. Tác giả quan niệm: CDB là *những biến thể dưới bậc của câu, hay biến thể của câu "có ngữ điệu kết thúc, tự lập, nhưng không tự lập về cấu tạo ngữ pháp và về ngữ nghĩa"* [1, 193].

Trong *Ngữ pháp tiếng Việt* (2005), tác giả nhấn mạnh: *"Câu dưới bậc là một bộ phận của một câu trọn vẹn được tách ra vì những lí do nghệ thuật"* [2, 278]. Vì lẽ đó, tác giả cho rằng *"căn cứ hợp pháp cho sự tồn tại của câu dưới bậc chính là cái giá trị tu từ mà cái dấu câu tách nó ra đem lại: nếu không giải thích được giá trị tu từ của cái dấu câu tách câu dưới bậc ra khỏi câu chứa nó thì câu dưới bậc đó có nguy cơ trở thành câu sai ngữ pháp"* [2, 279]. Theo tác giả, *"Câu dưới bậc không tồn tại một cách tự lập, nó chỉ có giá trị nghệ thuật và có ý nghĩa hiểu được xét trong mối quan hệ với câu mà từ đó nó được tách ra"* [2, 278].

Tác giả Diệp Quang Ban, dựa vào chức năng cú pháp của CDB trong mối quan hệ với câu mà từ đó nó được tách ra, phân loại CDB thành các trường hợp sau:

- CDB tương đương bổ ngữ
- CDB tương đương gia ngữ câu
- CDB tương đương gia ngữ bậc từ
- CDB tương đương đề ngữ
- CDB tương đương liên tố.

Thí dụ:

(8) *Tôi nghĩ đến sức mạnh của thơ. Chức năng và vinh dự của thơ.*

(Phạm Hồ)

Từ góc độ ngữ pháp văn bản, tác giả Phan Mậu Cảnh cũng khẳng định: trong văn bản có một loại phát ngôn khá đặc biệt - phát ngôn tách biệt (PNTB). Theo tác giả, *"Phát ngôn tách biệt nằm trong loại phát ngôn đơn phần trong tiếng Việt. Đây là những phát ngôn có liên hệ chặt chẽ về ngữ pháp và ngữ nghĩa với phát ngôn cơ sở (...) không biểu đạt phần*

đoán mà nhằm xác minh, nhấn mạnh những chi tiết được nêu ở phát ngôn cơ sở hoặc làm nổi rõ thông tin ở phần tách biệt” [3, 42].

Tác giả phân chia thành các kiểu PNTB tiêu biểu sau:

- PNTB tương đương vị ngữ ở phát ngôn cơ sở
- PNTB tương đương trạng ngữ.
- PNTB tương đương bổ ngữ.
- PNTB tương đương với định ngữ.
- PNTB tương đương vế trong phát ngôn ghép.

Thí dụ:

(9) Mọi người Nga hôm nay đều thích làm giàu. Tiền, đó là mục đích. Duy nhất. Cao nhất. Đẹp nhất.

(PNTB tương đương với định ngữ).

1.3. Quan điểm của phong cách học

Tuy chưa nhiều nhưng một số tài liệu cũng đã đề cập đến CDB dưới hình thức và tư cách của biện pháp tách câu - một trong những biện pháp tu từ cú pháp.

Tác giả Đinh Trọng Lạc và Lê Xuân Thái nhìn nhận hiện tượng này là bộ phận tách biệt của câu và quan niệm: *Tách biệt là một biện pháp tu từ và nhấn mạnh thông tin.*

Theo tác giả Đinh Trọng Lạc và Nguyễn Thái Hòa trong *Phong cách học tiếng Việt*, “tách các thành phần câu, nâng các thành phần đó thành những “câu”, “ngữ trực thuộc” và “câu dưới bậc” là một biện pháp tu từ quan trọng” [4, 243]. Công trình này khẳng định: “Phép tách câu là một biện pháp tu từ học với dụng ý tu từ học rõ rệt, hoặc là miêu tả nhịp điệu diễn biến của hình tượng, hoặc

miêu tả nhịp điệu cảm xúc” [4, 244].
Thí dụ:

(10) Bỗng lòng sôi vắng bật lên tiếng người reo to. Rồi í ới gọi nhau.

(Nguyễn Tuân)

Từ góc độ phong cách, tác giả Phan Mậu Cảnh cho rằng: “*Phát ngôn tách biệt là một hiện tượng có liên quan đến biện pháp tu từ (...) có thể nhìn nhận chúng như là kết quả của biện pháp tu từ cú pháp trong văn bản. Nó vượt ra khỏi mặt hình thức thuần túy trên chiều tuyến tính để mang một giá trị, một phẩm chất mới của “siêu cú pháp” nằm ở cấp độ trên câu*” [3, 46].

Nhìn chung, phải đến những năm 1980-1990, vấn đề về CDB mới được quan tâm. Dù chưa có nhiều công trình chuyên sâu, dù tên gọi hiện tượng này có khác nhau giữa các tài liệu nhưng về cơ bản, các tài liệu cũng đã thống nhất nhau rằng đây là một hiện tượng cú pháp cần được nghiên cứu một cách sâu rộng và hệ thống hơn. Nó có những đặc điểm riêng khác CTL hay CDB, với chức năng tạo liên kết cũng như giá trị tăng hiệu lực biểu đạt của ngôn ngữ.

2. Đặc điểm của câu dưới bậc

Qua một số kiến giải từ các tài liệu, có thể rút ra được một số đặc điểm của CDB như sau:

- CDB là những biến thể của câu cơ sở hay câu điển thể, được tạo lập trong quá trình biến đổi câu bằng thao tác tách câu, cụ thể là dùng dấu chấm câu có tính chất bất thường để tách một bộ phận nào đó của câu điển thể ra khỏi nó. Nói cách khác, CDB là sản phẩm của biện pháp tu từ tách câu vì “những lí do nghệ thuật”.

- Với tư cách là một yếu tố vốn được tách ra từ câu cơ sở bằng dấu kết thúc câu có tính chất bất thường (“dấu chấm câu mang giá trị nghệ thuật”, “dấu chấm cú pháp biểu cảm”), CDB không trọn vẹn về mặt ý nghĩa, không hoàn chỉnh về cấu trúc. Nói cách khác, CDB không tự lập về cấu tạo ngữ pháp và ngữ nghĩa.

- Vì là một yếu tố được tách ra từ câu cơ sở nên nó có khả năng sáp nhập vào câu cơ sở lân cận hữu quan. Đây là một trong những tiêu chí xác định và phân biệt CDB với các hiện tượng khác. Và khi đó, nó chỉ tương đương với một thành phần nào đó của câu lân cận đó. Thí dụ:

(11) *Người chi có thể đem đến cho di Hào mỗi ngày một xu quà và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.*

(Nam Cao)

Có thể sáp nhập: *Người chi có thể đem đến cho di Hào mỗi ngày một xu quà và rất nhiều nước mắt và rất nhiều lời than thở.*

Cần nhấn mạnh thêm rằng, điều kiện tồn tại của CDB là văn cảnh, là sự liên kết với những câu lân cận hữu quan. Tách chúng ra khỏi văn cảnh, chúng không thể tồn tại. Một yếu tố khác đồng thời quyết định sự tồn tại của CDB là giá trị tu từ mà chúng mang lại. Nói theo tác giả Diệp Quang Ban, nếu không giải thích được giá trị tu từ ấy thì câu được tách có nguy cơ trở thành câu “sai ngữ pháp”.

3. Phân biệt câu dưới bậc và câu tinh lược

3.1. Điểm giống và khác biệt giữa câu dưới bậc và câu tinh lược

Trên cơ sở tham khảo, tổng hợp một số ý kiến từ các tài liệu, đặc biệt

là những định hướng phân biệt của Diệp Quang Ban, chúng tôi hệ thống lại một số điểm giống nhau và khác nhau của CDB và CTL (trong văn cảnh) như sau:

3.1.1. Giống nhau

+ Đều là những biến thể của câu cơ sở, là loại câu được hình thành qua thao tác biến đổi từ loại câu cơ sở (câu điển thể).

+ Không hoàn chỉnh về cấu trúc, không trọn vẹn về mặt ý nghĩa.

+ Thường đứng sau câu lân cận hữu quan.

+ Tồn tại dựa vào văn cảnh.

+ Có chức năng kiên kết văn bản và có giá trị tu từ.

3.1.2. Khác nhau

* Câu dưới bậc

+ Hình thành qua thao tác biến đổi từ câu cơ sở bằng phép tách câu.

+ Vì vốn là một bộ phận của câu cơ sở được tách ra để trở thành CDB, nên nó có khả năng sáp nhập vào câu cơ sở lân cận hữu quan. Khi đó, nó lại trở thành một thành phần nào đó của câu lân cận hữu quan đó.

* Câu tinh lược

+ Hình thành qua thao tác biến đổi từ câu cơ sở bằng phép tinh lược.

+ Vì vốn là câu điển thể, đầy đủ thành phần nòng cốt được rút bỏ đi một thành phần nào đó để trở thành CTL, nên có căn cứ khôi phục thành phần bị tinh lược, đưa câu tinh lược trở về dạng câu cơ sở đầy đủ thành phần.

Trong những trường hợp bình thường, ranh giới giữa hai hiện tượng

này là rõ ràng, chỉ cần dựa vào những căn cứ lí thuyết về đặc điểm của CTL và CDB là có thể xác định, phân biệt dễ dàng. Thí dụ:

(12) *Một người qua đường đuổi theo nó. Hai người qua đường đuổi theo nó. Rồi ba bốn người, sáu bảy người.*

(Nguyễn Công Hoan)

-> CTL vị ngữ.

(13) *Song, tận hôm thứ ba, là ngày ông chắc cụ Hường hết số, mà ông cũng chẳng được tin tức gì mừng hơn. Thế là ông đâm lo. Lo rằng người nhà ông không làm việc đến nơi đến chốn.*

(Nguyễn Công Hoan)

-> CTL chủ ngữ

(14) *Nhờ ánh đèn con để ở đầu chái, tôi nhận ra một con dao nhọn. Thứ dao chọc tiết lợn.*

(Nam Cao)

-> CDB tương đương giải thích ngữ.

(15) *Tôi lẳng lẳng ngắm từng anh em một, nói với người này một câu, bàn phiếm với người khác một vài chuyện. Để cho khuấy nổi lòng.*

(Nguyễn Tuân)

-> CDB tương đương trạng ngữ.

3.2. Hiện tượng trung gian và việc phân biệt câu dưới bậc, câu tình lược đối với những trường hợp trung gian

Trên thực tế, tồn tại không ít những trường hợp phức tạp, những trường hợp có tính chất nước đôi, tạm gọi là trường hợp có tính chất trung gian giữa CDB và CTL. Về vấn đề này, tác giả Diệp Quang Ban khẳng định: “*Sự phân biệt hai hiện tượng này có thể gặp khó khăn, như là những khó khăn tương tự ở khắp nơi trong việc nghiên cứu ngôn ngữ*”. Thí dụ:

(16) *Nhìn lại đằng sau, Dũng có cả một khu gang thép. Và một gia đình sau nhiều năm tan tác đã dần dần đoàn tụ.*

(Xuân Cang)

(8) *Tôi nghĩ đến sức mạnh của thơ. Chức năng và vinh dự của thơ.*

(Phạm Hồ)

Thực tế cho thấy vì tính chất phức tạp của vấn đề mà trong một số tài liệu, quan điểm giữa các tác giả chưa thống nhất. Nhiều câu có cấu trúc, có đặc điểm giống nhau, có khi là cùng một câu nhưng cách giải quyết vấn đề của các tác giả không giống nhau.

Chẳng hạn, trường hợp thí dụ 8, theo tác giả Trần Ngọc Thêm, *Chức năng và vinh dự của thơ* là NTT tình lược (hình thành bằng phép tình lược C- Vđ). Còn theo tác giả Diệp Quang Ban, là CDB (hình thành bằng phép tách bộ phận vốn là bộ tổ của câu điển thể: *Tôi nghĩ đến sức mạnh của thơ, chức năng và vinh dự của thơ*).

Thậm chí trong cùng một tài liệu cũng có thể tồn tại tình trạng thiếu nhất quán khi giải quyết vấn đề. Chẳng hạn, khi đề cập đến nguyên tắc cấu tạo và sử dụng NTT [7, 253], tác giả của *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt* đã trình bày cách tách câu và các trường hợp tách câu cụ thể để tạo lập NTT trong quá trình xây dựng văn bản. Theo đó, tác giả cho rằng tất cả các trường hợp sau đây đều là các trường hợp tách câu để cấu tạo NTT:

(6) *Cô Cóm khom khom rót. Một chén. Bốn năm chén.*

(Nguyễn Tuân)

(17) *Rừng Hoàng Bồ có một nương dó. Rộng và sâu lắm.*

(Nguyễn Tuân)

(7) *Hễnh tát tà chạy đi tìm Tại.*
Đề đòi cái giò gà.

(Tô Hoài)

(18) *Liêm là không tham địa vị.*
Không tham tiền tài. Không tham
người tăng bốc mình.

(Hồ Chí Minh)

(19) *Bọn người nhìn nhau lo sợ.*
Lúng túng.

(Nguyễn Công Hoan)

(20) *Huấn đi về trạm máy.* Một
minh, trong đêm.

(Nguyễn Thị Ngọc Tú)

Khi trình bày về phép tinh lược
[7, 227-238], tác giả đã đưa ra các
ví dụ về các NTT tinh lược như sau:

(16) *Nhìn lại đằng sau, Dũng*
có cả một khu gang thép. Và ở ở một
gia đình sau nhiều năm tan tác đã dần
dần đoàn tụ.

(8) *Tôi nghĩ đến sức mạnh của*
thơ. ở ở Chức năng và vinh dự của thơ.

(21) *Bố cháu hi sinh rồi.* ở ở Năm 72.

(22) *Có một buổi trưa lung linh*
nắng làm cho tôi nhớ quê hương vô
hạn. Một buổi trưa ở Chúp.

(Trần Cư)

(23) *Một người đội mũ ca lô xăm*
xăm tiến vào quán. Anh trật tự bên đò.

(Nguyễn Tuấn)

(24) *Chiều mùa đông. Nắng vàng*
rực. Nam đang đi giữa công trường
sôi sục.

(Phú Thăng)

Một vài tài liệu đã đề cập đến sự
khác nhau giữa hai loại CDB và CTL.

Trong bài *Về khái niệm tinh lược*,
tác giả Phạm Văn Tình đã nhấn mạnh
sự khác nhau giữa hiện tượng tách
câu trong văn bản với hiện tượng tinh

lược trong văn bản. Tác giả đưa ra
một số trường hợp sau:

(25) *Tôi thấy tôi là một thằng*
nhút nhát. Và lạc hậu.

(Nam Cao)

(26) *Bộ đội đói.* Mỏi. Buồn ngủ.
Ngứa ngứa.

(Nguyễn Huy Tưởng)

(3) *Anh cứ hát.* Hết sức hát. Gò
ngực mà hát. Há miệng to mà hát. Hát
như con cóc kêu thương.

(Nguyễn Công Hoan)

(27) *Tiếng hát ngừng.* Cả tiếng
cười.

(Nam Cao)

Theo tác giả, trường hợp 25 và
26 là hiện tượng tách câu, trường hợp
33 và 27 là hiện tượng tinh lược. Theo
tác giả, ở thí dụ 25 có 2 phát ngôn,
thí dụ 26 có 4 phát ngôn, chúng “hoàn
toàn có thể được coi là một phát ngôn
duy nhất được tách ra. Và dù chúng
ta có cố tình “cấp” cho nó một ngữ
điệu để phân biệt thì logic ngữ nghĩa
vẫn làm cho người nghe “đập nhập”
chúng làm một. Thực tế thì ta hoàn
toàn có thể thay thế các dấu chấm
giữa các phát ngôn bằng dấu phẩy”.
Còn trường hợp 33 có 5 phát ngôn,
trong đó có đến 4 phát ngôn tinh lược
chủ ngữ, trường hợp 27 có 2 phát ngôn
trong đó có 1 phát ngôn tinh lược vị ngữ.

Trong bài viết này, tác giả Phạm
Văn Tình tập trung vào khái niệm
tinh lược, điều kiện cho phép thực
hiện phép tinh lược, định hướng tìm
hiểu vai trò cũng như giá trị biểu hiện
của chúng trong sự kết hợp nghiên
cứu đồng thời ba bình diện: kết học,
nghĩa học và dụng học dựa trên lí
thuyết tinh lược của *Từ điển bách*
khoa về ngôn ngữ và ngôn ngữ học:

“Sự tinh lược là một loại liên kết ngầm ẩn. Nó là kết quả của sự lược bỏ một bộ phận của một cấu trúc ngữ pháp trong một phát ngôn hay một câu, ở đó có sự hiện hiện trùng lặp bộ phận đó. Sự lược bỏ không làm mất đi thông tin mà thông tin chuyển vào ngầm ẩn. Nó được tạo ra nhờ hiện tượng dư trong văn bản” [8, 60].

Một trong những tác giả đề cập nhiều hơn về sự phân biệt hiện tượng CTL và CDB là Diệp Quang Ban [2]. Có thể tóm tắt quan điểm của tác giả về vấn đề này như sau:

- Tinh lược được hiểu là một bộ phận nào đó của câu lẽ ra phải có mặt trong câu, nhưng vì những lí do nào đó nó được rút bỏ đi mà vẫn không làm ảnh hưởng đến việc hiểu nghĩa của câu đang xét. Phần bị tinh lược có thể được phục hồi để cho câu được trọn vẹn một cách tự nhiên.

Trong hội thoại thường ngày, hiện tượng tinh lược chủ yếu giúp cho lời nói được gọn gàng. Trong ngôn ngữ có tính chất nghệ thuật, hiện tượng tinh lược là một trong những phương tiện được sử dụng với tư cách phương tiện mang giá trị tu từ. Thí dụ:

(28) *Của đáng mười Nhu chi bán được năm.* Có khi chẳng lấy được đồng tiền nào là khác nữa.

(Nam Cao)

- CDB về thực chất là một bộ phận của một câu trọn vẹn được tách ra vì những lí do nghệ thuật. CDB không tồn tại một cách tự lập, nó chỉ có giá trị nghệ thuật và có ý nghĩa hiểu được xét trong mối quan hệ với câu mà từ đó nó được tách ra. Thí dụ:

(20) *Huấn đi về trạm máy.* Một mình, trong đêm.

(Nguyễn Thị Ngọc Tú)

Theo tác giả, nếu coi CDB như là một hình thức tinh lược, nghĩa là có thể phục hồi bộ phận bị rút bỏ, thì bộ phận được phục hồi đó sẽ trở thành một bộ phận lặp thừa không cần thiết, và có thể tỏ ra là một cấu tạo ngữ pháp vụng về. Cho nên CDB tự nó không phải là một câu, nó chỉ là một thứ “câu” xuất hiện trong quá trình tạo ra những dấu chấm câu mang giá trị nghệ thuật. Vì lẽ đó, căn cứ “hợp pháp” cho sự tồn tại của CDB chính là cái giá trị tu từ mà cái dấu câu tách nó ra đem lại: nếu không giải thích được giá trị tu từ của cái dấu câu tách CDB ra khỏi câu chứa nó thì CDB đó có nguy cơ trở thành câu sai ngữ pháp.

Tác giả khẳng định: *“cần phân biệt câu tinh lược và câu dưới bậc khi bàn đến khái niệm câu, đó là hai hiện tượng khác nhau về thực chất”*. Tuy nhiên, tác giả cũng nhìn nhận rằng, *“trong những trường hợp nào đó sự phân biệt hai hiện tượng này có thể gặp khó khăn, như là những khó khăn tương tự ở khắp nơi trong việc nghiên cứu ngôn ngữ, nhất là khi có tính đến việc sử dụng ngôn ngữ”* [2, 279].

Về vấn đề có tính chất trung gian trên, tác giả Diệp Quang Ban nhấn mạnh đến cảm nhận của người bản ngữ về sự tự nhiên/ không tự nhiên, lặp thừa/ không thừa trong khi nhận diện, xác định cũng như phân biệt CTL và CDB. Đây là định hướng cần được lưu ý nhằm vẽ một đường viền ranh giới nhất định cho hai hiện tượng này. Tuy nhiên, việc cảm nhận về sự tự nhiên hay không tự nhiên, lặp thừa hay không thừa ít nhiều vẫn là mang tính chất chủ quan, nên vấn đề nhận diện, phân biệt không phải không gặp khó khăn.

Chúng tôi cho rằng để nhận diện, phân biệt CDB và CTL nhất thiết phải xem xét chúng trong văn cảnh, trong mối quan hệ ngữ pháp - ngữ nghĩa của chúng với câu lân cận hữu quan. Trước hết là dựa vào đặc điểm vốn có và vốn khác nhau của CDB và CTL như: *sáp nhập/ không sáp nhập được* vào câu lân cận hữu quan, *khôi phục/ không khôi phục được* các thành phần được xem là tinh lược. Với những trường hợp phức tạp có tính chất trung gian, có thể xem xét thêm ý kiến của tác giả Diệp Quang Ban về cảm thức *lặp thừa/ không thừa, tự nhiên/ không tự nhiên*. Song song đó, chúng tôi cho rằng có thể thử đề cập đến một dấu hiệu bổ sung thêm, như một tiêu chí kết hợp với những tiêu chí trên, cho việc nhận diện, phân biệt CTL và CDB trong những trường hợp mà ranh giới giữa chúng mờ nhạt. Đó là xem xét *dấu chấm kết thúc câu trước câu đang xét và câu đang xét là bình thường hay bất thường* để xác định hiện tượng đang xét là CTL hay CDB.

Thí dụ:
(29) *Bọn người nhìn nhau lo sợ.*

¹⁾ Lúng túng. ²⁾ Làm thế nào? ³⁾

(Nguyễn Công Hoan)

Trong thí dụ trên có 3 câu. Câu (1) là câu hoàn chỉnh làm chỗ dựa cho sự tồn tại của câu 2). Câu 2), có thể có hai hướng giải quyết: CTL, CDB.

- Hướng thứ nhất: Nếu xác định câu 2) là CTL, cách lí giải là câu 2) vốn là câu trọn vẹn (*Bọn người nhìn nhau lúng túng*) được lược đi chủ ngữ và động từ chính tố của vị ngữ. Nghĩa là, dấu chấm kết thúc câu 1 là bình thường, và hai câu trên theo chuẩn mực phải được viết là:

Bọn người nhìn nhau lo sợ. Bọn người nhìn nhau lúng túng.

- Hướng thứ hai: Nếu xác định câu 2) là CDB, cách lí giải là câu 2) vốn là một bộ phận của câu 1) được tách ra. Nghĩa là, dấu chấm kết thúc câu (1) là bất thường, lẽ ra phải là dấu phẩy để phân cách hai từ *lo sợ* và *lúng túng* vốn bình đẳng nhau, và hai câu trên theo chuẩn mực lẽ ra phải được viết là:

Bọn người nhìn nhau lo sợ, lúng túng.

Chúng tôi cho rằng giải pháp thứ hai có lẽ có sức thuyết phục hơn.

Riêng câu 3) là CTL chủ ngữ, vì nó không sáp nhập được vào câu trước nó, đồng thời dấu chấm kết thúc câu trước nó và sau nó là bình thường, và lại nó lại có khả năng phục hồi bộ phận bị tinh lược.

Thí dụ khác:

(30) *Sáng hôm sau, Điền ngồi viết.*¹⁾ Giữa tiếng con khóc, tiếng vợ gặt gồng, tiếng léo xéo đòi nợ ngoài đầu xóm.²⁾ Và cả tiếng chửi bới của người láng giềng ban đêm mất gà.³⁾

(Nam Cao)

Ta có 3 câu, trong đó có 2 CDB. Ngoài khả năng sáp nhập câu 2) vào câu 1), câu 3) vào câu 2), chúng ta thấy rằng dấu chấm kết thúc câu 1) bất thường vì phần nội dung trong câu 2 có quan hệ với câu 1 theo mối quan hệ bổ sung hoàn cảnh (trạng ngữ) của sự việc: “*Điền ngồi viết*” (lẽ ra tại vị trí này không dùng dấu câu hoặc chỉ dùng dấu phẩy phân cách). Dấu chấm kết thúc câu 2) bất thường vì phần nội dung trong câu 3) có quan hệ bình đẳng với “*tiếng con khóc, tiếng vợ gặt gồng, tiếng léo xéo đòi nợ ngoài đầu xóm*” trong câu 2). Điều đó chứng tỏ chúng vốn được tách ra từ câu cơ sở:

Sáng hôm sau, Điền ngồi viết giữa tiếng con khóc, tiếng vợ gất gỏng, tiếng léo xéo đòi nợ ngoài đầu xóm và cả tiếng chửi bới của người láng giềng ban đêm mất gà.

Tương tự, ta có các thí dụ sau đều là CDB:

(11) Người chỉ còn có thể đem đến cho dì Hào ốm đau mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.

(Nam Cao)

Hay trường hợp thí dụ 16:

Nhìn lại đằng sau, Dũng có cả một khu gang thép.¹⁾ Và ở ở một gia đình sau nhiều năm tan tác đã dần dần đoàn tụ.²⁾ (Dt TNT, 227)

Theo cách lí giải của tác giả Trần Ngọc Thêm, câu 2) là NTT tính lược chủ ngữ và động từ- chính tổ làm vị ngữ: *Dũng có*.

Nếu dùng phương pháp cải biến theo định hướng kiểm nghiệm con đường tạo lập của câu 2), hoàn toàn có thể sáp nhập nó vào câu trước đó và dấu chấm phân tách hai câu là không bình thường vì quan hệ từ “và” được dùng nối kết hai bộ phận vốn có quan hệ bình đẳng cùng bổ sung ý nghĩa cho động từ chính tổ *có*. Kết quả của

Mô hình khái quát:

CHQ	CDB
C - V	P (P tương đương trạng ngữ, giải thích ngữ, định tổ, bổ tổ cho C-V trong CQH)

Thí dụ:

(31) Dân chưa tỉnh hẳn. Dân đã thấy những tiếng gà gáy rất mong manh, rất xa xôi vẩn lên trong giấc ngủ nửa mê nửa tỉnh. Rồi thì Dân tỉnh hẳn. Có lẽ do một tiếng gáy cộc

việc sáp nhập cho ta một câu văn hợp quy tắc ngữ pháp và hoàn toàn tự nhiên.

So sánh:

- Nhìn lại đằng sau, Dũng có cả một khu gang thép. Và Dũng có một gia đình sau nhiều năm tan tác đã dần dần đoàn tụ.

- Nhìn lại đằng sau, Dũng có cả một khu gang thép và một gia đình sau nhiều năm tan tác đã dần dần đoàn tụ.

Trong bài viết này, từ định hướng bổ sung tiêu chí xem xét *dấu kết thúc câu* trong việc nhận diện, phân biệt CDB với CTL, chúng tôi khái quát các trường hợp (TH) câu đang xét (CĐX) là CDB như sau:

TH1: Dấu kết thúc câu lân cận hữu quan (CHQ) trước CĐX là bình thường, nếu nhìn từ góc độ nội bộ của CHQ nhưng lại bất thường, khi xét trong mối quan hệ của CHQ với CĐX (lẽ ra không dùng dấu, hoặc dùng dấu phân cách thành phần câu), vì sự không hoàn chỉnh của CĐX và mối quan hệ phụ thuộc của CĐX với CHQ hoặc với một thành phần, bộ phận nào đó của CHQ.

lốc của anh gà trại trong chuồng gà nhà bên cạnh.

(Nam Cao)

(32) Sống là khổ. Muốn khỏi khổ, người ta phải giết chết lòng thèm muốn ở mình. Để đi tới một thiên đường.

(Nguyễn Tuân)

(33) *Trời ơi! Tôi dụi mắt. Anh H.V.G. một nghệ sĩ tính lành như củ khoai lang, ngượng nghịu như nàng dâu mới hôm nay đã thoát hẳn cái vẻ nhút nhát để sắm trò. Một vai trò bạo mạnh và ngang nhất thế giới.*

(Nguyễn Tuân)

(34) *Tôi bực mình, song vẫn cố làm ra vẻ bình tĩnh. Cái bình tĩnh lạnh lùng ngụ ý khinh bỉ.*

(Tô Hoài)

TH2: Dấu kết thúc câu lân cận hữu quan (CHQ) trước CĐX là bình thường, nếu nhìn từ góc độ nội bộ của CHQ nhưng lại bất thường, khi xét trong mối quan hệ của CHQ với CĐX (lẽ ra dùng liên từ nối kết hoặc dùng dấu phân cách thành phần câu), vì sự không hoàn chỉnh của CĐX và mối quan hệ bình đẳng của CĐX với một thành phần, bộ phận nào đó đang là thành phần, bộ phận phụ của CHQ.

Mô hình khái quát:

CHQ	CDB
C - V - P1	P2 (P2 tương đương P1)

Thí dụ:

(11) *Người chi có thể đem đến cho di Hào mỗi ngày một xu quà và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.*

(Nam Cao)

TH3: Trong một chuỗi câu, có thể đồng thời tồn tại nhiều CDB, khi đó CDB2, CDB3... là những từ, ngữ vốn bình đẳng với CDB1, theo mô hình sau:

CHQ	CDB1	CDB2...
C - V	P1 (P1 tương đương trạng ngữ, giải thích ngữ, định tố, bổ tố cho C-V trong CQH)	P2... (P2... tương đương P1)

Hoặc:

CHQ	CDB1	CDB2...
C - V - P1	P2 (P2 tương đương P1)	P3... (P3... tương đương P1 và P2)

Khi đó, xem xét dấu câu trong từng cặp câu: CHQ và CDB1, CDB2... giống như TH1 và TH2.

Thí dụ:

(30) *Sáng hôm sau, Điền ngồi viết. Giữa tiếng con khóc, tiếng vợ gất gồng, tiếng léo xéo đòi nợ ngoài*

đầu xóm. Và cả tiếng chửi bới của người láng giềng ban đêm mất gà.

(Nam Cao)

(35) *Tối đến, mũ áo để ra đi rồi ngày mai trở về nhà, lại móc mũ áo vào cái đinh cũ ấy. Cái đinh của*

mọi ngày. Cái đỉnh của những ngày đã cũ.

(Nguyễn Tuân)

TH4: Dấu kết thúc câu lân cận hữu quan (CHQ) trước CĐX là bình thường, nếu nhìn từ góc độ nội bộ

Mô hình khái quát:

CHQ	CDB
C - V1	V2 (V2 tương đương V1)

Hoặc:

CHQ	CDB1	CDB2...
C - V1	V2 (V2 tương đương V1)	V3... (V3... tương đương V1 và V2)

Thí dụ:

(18) *Liêm là không tham địa vị.*
Không tham tiền tài. Không tham người tăng bốc mình.

(26) *Bộ đội đói.* Mỏi. Buồn ngủ.
Ngứa ngứa.

Trên cơ sở tham khảo một số tài liệu liên quan, chúng tôi đã điếm qua lịch sử nghiên cứu hiện tượng CDB, đồng thời đề cập đến một số vấn đề liên quan. Đây là hiện tượng ngôn ngữ phức tạp nên dù đã được các nhà Việt ngữ quan tâm nhiều, song vấn đề có thể chưa đã kết thúc, và tất nhiên, nó vẫn là đề tài thiết thực và hấp dẫn cho công việc nghiên cứu, học tập ngữ pháp tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Diệp Quang Ban*, Ngữ pháp tiếng Việt, Tập 2, Nxb GD, 1998.
2. *Diệp Quang Ban*, Ngữ pháp tiếng Việt, Nxb GD, 2005.

của CHQ nhưng lại bất thường, khi xét trong mối quan hệ của CHQ với CĐX (lẽ ra dùng liên từ nối kết hoặc dùng dấu phẩy phân cách), vì sự không hoàn chỉnh của CĐX và mối quan hệ bình đẳng của CĐX với thành phần vị ngữ của CHQ.

3. *Phan Mậu Cảnh*, Về kiểu phát ngôn tách biệt trong văn bản tiếng Việt, T/c Ngôn ngữ, Số 3, 1999.

4. *Đình Trọng Lạc, Nguyễn Thái Hòa*, Phong cách học tiếng Việt, Nxb GD, 2004.

5. *Hồ Lê*, Cú pháp tiếng Việt (quyển 2), Cú pháp cơ sở, Nxb KHXH, 1992.

6. *Nguyễn Kim Thành*, Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt, Nxb GD, 1997.

7. *Trần Ngọc Thêm*, Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt, Nxb ĐH & THCN, 1985.

8. *Phạm Văn Tình*, Về khái niệm tinh lược, T/c Ngôn ngữ, Số 9, 1999.

9. *Nguyễn Văn Hào, Hoàng Xuân Tâm (chủ biên)*, Tiếng Việt, Trường CĐSP Tp HCM, 1988.

10. *UBKHXHVN*, Ngữ pháp tiếng Việt, Nxb KHXH, 1983.